

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình oHôn nhân và gia đình số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tố M, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số D, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và theo đơn đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Tố M trình bày:

Tôi và anh Phạm Minh T qua tìm hiểu, quen biết nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 02/01/2018. Trong thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và có 03 con chung tên Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022. Đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc do bất đồng về quan điểm làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Tôi đồng ý giao 03 con chung Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng có trình bày:*

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn và về con chung như chị M trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhưng những mâu thuẫn này không lớn. Nay chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi có ý kiến như sau:

Tôi không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Tố M do tôi muốn vợ chồng hàn gắn với nhau để cùng chăm lo cho con vì con còn nhỏ. Nếu chị M vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho tôi và chị M ly hôn thì tôi có yêu cầu về con chung như sau: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022. Tôi không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh Phạm Minh T không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa

là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 8, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tố M.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tố M được ly hôn với anh Phạm Minh T. Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Giao cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022 cho anh Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị Lê Thị Tố M không cấp dưỡng nuôi con do anh Phạm Minh T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị Tố M, vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn”, bị đơn anh Phạm Minh T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Tố M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt. Việc anh T vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị Tố M, anh Phạm Minh T là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 02/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T có thời

gian sống chung hạnh phúc và có 03 con chung là Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Theo biên bản xác minh ngày 12/7/2024 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của anh Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị B cho biết: Bà thống nhất với anh T và chị M về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung. Sau khi kết hôn, đến khoảng năm 2023 thì anh T và chị M cùng nhau đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, 03 cháu con chung do bà B trông nom, nuôi dưỡng. Thời gian sau này ông T và bà M thường xuyên cãi nhau về vấn đề công việc làm ăn. Gia đình có khuyên răn để ông T và bà M hàn gắn nhưng không thành. Hiện tại 03 cháu H, T1, K đang sống cùng cha là ông Phạm Minh T và gia đình bà B. Nay bà M có yêu cầu ly hôn với ông T thì bà đồng ý để cho bà M và ông T ly hôn để mỗi người có cuộc sống tốt hơn.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt cho anh T các văn bản tố tụng để anh T chứng minh vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng và có các biện pháp hàn gắn cùng chung sống hạnh phúc với chị M và lo cho con mà không phải ly hôn nhưng anh T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Hơn nữa, sau đó Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T không tham gia tố tụng cho thấy anh không có thiện chí muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với chị M. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Tố M yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: 03 cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022 hiện đang sống chung với anh Phạm Minh T và gia đình bà Nguyễn Thị B (bà nội của 03 cháu). Anh Phạm Minh T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu và chị Lê Thị Tố M đồng ý giao 03 cháu Phạm Nhật H, Phạm Lê Bích T1 và Phạm Minh K cho anh Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống các cháu ổn định, phát triển toàn diện nên giao 03 con chung cho anh Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật. Chị Lê Thị Tố M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phạm Minh T không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Lê Thị Tố M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tố M. Chị Lê Thị Tố M được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Anh Phạm Minh T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 03 cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 14/02/2019; Phạm Lê Bích T1, sinh ngày 11/8/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 06/12/2022. Chị Lê Thị Tố M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phạm Minh T không có yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Tố M và anh Phạm Minh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Tô M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001382 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương